

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Tống Văn Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ F, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: nhà trọ Lê Tuấn K tổ F, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Tuấn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn K và bà Trần Thị Bích T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay phường) P, thị xã (nay thành phố) Tân Uyên được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 08/11/2019.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và quan tâm đến nhau đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông K nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa nên yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Bích T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Tân Uyên.

Về nội dung: Ông Lê Tuấn K và bà Trần Thị Bích T có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân ông K yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng không còn sống chung nên ông K yêu cầu ly hôn với bà T là có căn cứ. Về con chung không có; tài sản chung, nợ chung: ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Lê Tuấn K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bích T nên đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Trần Thị Bích T đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn K và bà Trần Thị Bích T là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay phường) P, thị xã (nay thành phố) Tân Uyên được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 08/11/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông K yêu cầu ly hôn với bà T do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và hiện nay ông K không còn tình cảm với bà T. Xét thấy mâu thuẫn của

vợ chồng đã trầm trọng không thể đoàn tụ sống chung nên ông K yêu cầu ly hôn với bà T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Tuấn K phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tuấn K về việc “Ly hôn” với bà Trần Thị Bích T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn K được ly hôn với bà Trần Thị Bích T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Tuấn K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001814, ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thêm